

1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

1.1 Nông nghiệp:

Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, 9 tháng đầu năm 2019 có dấu hiệu tăng chậm hơn những năm trước đây do giá cả một số loại hàng nông sản không ổn định, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là nguyên nhân chính khiến thời tiết trở nên khắc nghiệt và khó dự báo hơn, hiện tượng mưa trái vụ, nắng nóng gay gắt, tình hình sâu bệnh nhất là dịch khảm lá trên cây mì, dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện trong quý 3 năm nay ... tác động xấu đến kết quả sản xuất.

Trong khi đó việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng tiếp tục diễn ra thường xuyên hơn, tổng diện tích gieo trồng giảm nhẹ so với cùng kỳ do một số diện tích trồng lúa chuyển sang trồng cây ăn quả, một số diện tích cao su thanh lý chuyển sang trồng cây ăn quả nhưng mới đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản. Mặt khác một số diện tích trong quy hoạch sản xuất điện năng mặt trời, hoặc quy hoạch các khu công nghiệp Phước Đông-Bời Lời, Thành Thành Công.... phần nào ảnh hưởng đến diện tích đất sản xuất ngành nông nghiệp.

Tình hình sản xuất các ngành cụ thể như sau:

a) Trồng trọt:

- Kết quả sản xuất 9 tháng đầu năm

Tổng diện tích gieo trồng (Đông Xuân và Hè Thu) cả tỉnh đạt 194.509,08 ha, so với cùng kỳ năm trước giảm 0,95% (-1.856,44 ha). Diện tích giảm tập trung các cây trồng: bắp (-14,66%), mía (-26,89%), thuốc lá (-12,54%), cây có hạt chứa dầu (-12,67%), đậu các loại (-24,78%). Các nhóm cây còn lại nhìn chung đều tăng, như: cây lúa (+1,43%), cây mì (+6,24%) và cỏ (+75,19%).

Sơ bộ năng suất- sản lượng một số cây trồng chính,

Năng suất lúa bình quân đạt 55,48 tạ/ha, giảm 0,89% (-0,5 tạ/ha) so cùng kỳ, do thời tiết những tháng đầu năm có lúc không thuận lợi; cùng với việc người dân chuyển đổi từ giống lúa có năng suất cao có giá thấp và không ổn định sang các giống lúa chất lượng cao, giá trị cao nên dẫn đến năng suất giảm nhẹ, sản lượng sơ bộ đạt 549.222,29 tấn, tăng 0,53% (+2.874 tấn) so cùng kỳ năm trước.

Cây ngô năng suất đạt 57,44 tạ/ha, giảm 0,95% so cùng kỳ; sản lượng đạt 22.145 tấn, giảm 15,47% so cùng kỳ. Sản lượng ngô giảm chủ yếu do diện tích giảm (-14,66%); Cây đậu phộng năng suất đạt 37,46 tạ/ha, giảm 1,6%; sản lượng đạt 16.042 tấn, cũng giảm 13,21% so cùng kỳ, do diện tích giảm (-11,79%).

Rau các loại năng suất đạt 180,81 tạ/ha, tăng 1,19%; sản lượng đạt 258.120 tấn, giảm 0,28%, sản lượng giảm chủ yếu do diện tích đạt 14.275 ha và giảm (-1,46%) so cùng kỳ.

* Các loại cây trồng trong vụ thu hoạch trong 9 tháng (mía, mì):

Cây mì: Năng suất sơ bộ đạt 319,50 tạ/ha, tăng 1,16% (+3,65 tạ/ha) so cùng kỳ, do ảnh hưởng của bệnh khảm đang giảm dần, bên cạnh đó giá mì năm 2018 tăng, người dân tăng cường chăm sóc do đó năng suất chung cả tỉnh trong năm này tăng, dẫn đến sản lượng sơ bộ thực hiện đạt 1.671.482,1 tấn, tăng 7,47% (+116.185,12 tấn) so cùng kỳ năm trước.

Cây mía: năng suất sơ bộ đạt 758,2 tạ/ha, giảm 1,75% (-13,52 tạ/ha) so cùng kỳ, do hiệu quả kinh tế mang lại thấp hơn so với các loại cây trồng khác, nên về diện tích gieo trồng cây mía ngày càng giảm và do tác động của yếu tố giá nên việc đầu tư chăm sóc cũng bị hạn chế, dẫn đến sản lượng cây mía sơ bộ đạt 813.161,47 tấn, giảm 28,17% (-317.847,89 tấn) so cùng kỳ năm trước.

- Tình hình gieo trồng vụ Mùa:

Tính đến ngày 15/9/2018, toàn tỉnh gieo trồng vụ mùa được 51.846 ha, tăng 5,13% so cùng kỳ; trong đó các loại cây trồng và thu hoạch trong vụ đạt 48.111 ha, tăng 5,85% và các cây trồng trong vụ cho thu hoạch năm sau (mía, mì) đạt 3.535ha giảm 3,75% (-137 ha) so cùng kỳ.

Một số cây trồng chính:

Cây lúa, xuống giống gieo trồng trong vụ được 40.843 ha, so với cùng kỳ tăng 7,75% (+2.940 ha), các huyện có diện tích xuống giống tăng: Tân Châu (+34 ha), Dương Minh Châu (+70 ha), Châu Thành (+578,3 ha), Hòa Thành (+3 ha), Gò Dầu (+59,5 ha), Bến Cầu (+2.207 ha), Trảng Bàng (+4 ha), do người dân chuyển đổi cây trồng và do trong tháng người dân đã thu hoạch hết diện tích lúa của vụ hè thu nên đồng loạt xuống giống vụ mùa.

Cây mì trồng mới 3.502,0 ha, so với cùng kỳ tăng 1,51% (+52,1 ha), dù tình hình dịch bệnh khảm vẫn còn xảy ra, nhưng do giá củ mì hiện ở mức cao 3.400 đồng/kg nên người dân vẫn tiếp tục trồng mì, diện tích gieo trồng tăng ở các huyện: Thành phố (+20 ha), Tân Biên (+23 ha), Tân Châu (+115,2 ha), Dương Minh Châu (+5 ha), Gò Dầu (+37,8 ha), Trảng Bàng (+5 ha).

Một số cây trồng khác có diện tích gieo trồng không nhiều nhưng đều giảm như: cây ngô 461 ha (-28,20%), đậu phộng 380 ha (-15,26%), rau đậu, hoa cây cảnh các loại 5.880 ha (-6,61%) so cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ mùa

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (Ha)	Thực hiện kỳ báo cáo (Ha)	So cùng kỳ (%)
1. DT Gieo trồng vụ Mùa:	49.315	51.846	105,13
* Trong đó: Cây lúa	37.903	40.843	107,75
Diện tích một số cây trồng khác			
- Ngô	643	461	71,80
- Mì (cây sắn)	3.450	3.502	101,51

- Mía	223	33	14,61
- Đậu phộng	449	380	84,73
- Rau, đậu, hoa cây cảnh các loại	6.296	5.880	93,39

- Tình hình sâu bệnh:

Trong tháng, tình hình sâu bệnh gây hại cây trồng chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ, phát sinh tăng nhẹ so với tháng trước nhưng giảm so với cùng kỳ năm trước. Một số đối tượng có diện tích nhiễm nhiều: sâu cuốn lá nhỏ, bệnh lem lép hạt/lúa hè thu, OBV, bọ trĩ/lúa vụ mùa, thán thư/bầu bí, sâu xanh/dưa leo, ruồi đục quả/khổ qua, bọ trĩ/ớt, sâu vẽ bùa/cây có múi, rệp sáp/mãng cầu, chổi rồng/nhãn.

Bệnh khảm lá khoai mì tiếp tục gây hại diện tích khoai mì trồng vụ Đông Xuân 2018-2019, Hè Thu 2019 và vụ Mùa 2019 nhưng chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ, ảnh hưởng dịch bệnh đến năng suất giảm so cùng kỳ năm trước. Trong tháng phát sinh 127 ha mì nhiễm mới của vụ mùa 2019. Lũy kế 9 tháng đầu năm đến nay diện tích mì nhiễm bệnh là 39.430,5 ha, xuất hiện tại 66 xã thuộc 9 huyện, thành phố.

b) Chăn nuôi:

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh, một số vật nuôi tiếp tục duy trì phát triển tốt. Đàn trâu, bò giảm nhẹ so với cùng kỳ do đồng cỏ để chăn thả bị thu hẹp, riêng đàn bò sữa tiếp tục tăng trưởng mạnh. Đàn gia cầm tăng so với cùng kỳ và tăng mạnh là đàn gà do hình thức nuôi với quy mô vừa và lớn vẫn được duy trì, hình thức nuôi nhỏ lẻ trong dân cũng được duy trì do tận dụng thức ăn thừa để chăn nuôi nhằm cải thiện đời sống. Chăn nuôi lợn bị tác động của dịch tả lợn Châu phi, đã xảy ra trên địa bàn Tỉnh từ đầu tháng 7 đến nay, dịch bệnh diễn biến phức tạp, cụ thể như sau:

Số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2018	Ước thực hiện kỳ báo cáo	So sánh cùng kỳ (%)
I. Gia súc				
1. Trâu	con	14.176	14.020	98,90
2. Bò	con	93.712	93.273	99,53
Trong đó: Bò sữa	con	11.765	13.353	113,50
3. Lợn	con	177.555	194.970	109,81
II. Gia cầm				
	1000con	6.244,80	7.124,45	114,09
Trong đó: Gà	1000con	5.595,10	6.533,45	116,77

Ước tính đàn trâu hiện có 14.020 con giảm 1,10%, đàn bò 93.273 con giảm (-439 con) tương ứng giảm (0,47%) so cùng kỳ năm trước. Trong đó đàn bò sữa ước đạt 13.353 con, tăng 13,50% (+1.588 con) so cùng kỳ năm trước, tăng chủ yếu tập trung ở 2 huyện Bến Cầu và Trảng Bàng, trong những tháng đầu năm 2019, riêng trang trại Vinamilk có tăng quy mô đàn thêm 700 con đạt 7.800 con, trong đó có 3.800 con đã cho sữa.

Đàn lợn hiện có đến thời điểm 1/7/2019 có 194.970 con (không tính lợn con đang theo mẹ), so với cùng kỳ tăng 9,81% (+17.415 con). Tuy nhiên sang những ngày đầu tháng 7 đến nay trên địa bàn tỉnh đã xảy ra dịch tả lợn Châu Phi nhưng chỉ xảy ra ở những hộ nuôi nhỏ lẻ và một số hộ quy mô vừa, phần lớn những hộ nuôi quy mô vừa và lớn chưa bị ảnh hưởng nhiều, hiện nay tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp dự báo sẽ ảnh hưởng đến xu hướng phát triển của đàn lợn trong thời gian tới.

Đàn gia cầm có xu hướng tăng qua các năm do gia cầm là loài vật dễ nuôi, chi phí thức ăn ít và thời gian nuôi ngắn, giá cả tương đối ổn định nên người dân thường xuyên nuôi và ngày càng mở rộng quy mô nuôi, ước tổng đàn gia cầm đạt 7,12 triệu con tăng 14,09% so cùng kỳ năm trước, trong đó riêng đàn gà 6,55 triệu con tăng 16,77%.

Tình hình dịch bệnh: Tình hình dịch tả lợn Châu Phi đến ngày 15 tháng 9 trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện ở 8 huyện, 55 xã và 1.169 hộ với số lượng heo chết và tiêu hủy là 20.929 con, trọng lượng 1.282.581,4 kg. Trong tháng các trạm chăn nuôi và thú y cùng các cơ sở thú y tổ chức tiêm phòng với số lượng 65.606 liều vắc xin các loại; Bên cạnh đó công tác tiêu độc khử trùng đã thực hiện với diện tích 3.003.410 m² tại các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; 75.820 m² tại các cơ sở giết mổ; 760 m² tại các bến bãi, khu cách ly, 760 m² tại các lò ấp.

1.2 Lâm nghiệp:

Trồng rừng và chăm sóc nuôi dưỡng rừng: Trong 9 tháng đầu năm 2019, tình hình sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh diễn ra không mấy thuận lợi. Thời tiết nắng nóng kéo dài, nhiệt độ luôn ở cấp cao, cấp cực kỳ nguy hiểm gây nguy cơ cháy rừng cao; Diện tích rừng trồng mới tập trung ước thực hiện đạt 112 ha, tăng 55,99% (+40,2 ha) so với cùng kỳ. Các đơn vị chủ rừng khẩn trương tiếp tục thực hiện chăm sóc, phòng chống cháy và bảo vệ rừng trồng, đảm bảo rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: Diện tích rừng được đầu tư bảo vệ toàn tỉnh là 58.008 ha, trong đó: bảo vệ rừng tự nhiên: 45.440 ha, bảo vệ rừng trồng: 12.244 ha, bảo vệ trắng cỏ: 324 ha, toàn bộ diện tích rừng này đều được giao khoán các tổ chức, nhóm hộ, hộ gia đình bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Trong tháng, công tác bảo vệ rừng được các đơn vị chủ rừng quan tâm, thực hiện tốt. Diện tích đầu tư khoanh nuôi tái sinh tự nhiên toàn tỉnh là 1.198 ha. Các đơn vị đang tiếp tục thực hiện khoanh nuôi đối với những diện tích trên.

Về quản lý bảo vệ rừng, quản lý và khai thác lâm sản: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 11 vụ vi phạm quy định về Luật lâm nghiệp, tăng 5 vụ so với tháng trước, trong đó có: 4 vụ phá rừng trái pháp luật, với diện tích 59.436 m² rừng trồng; 4 vụ khai thác rừng trái pháp luật, tạm giữ 3,628 m³ gỗ Xà cừ và gỗ Gáo, 1,797 m³ gỗ Mít nài, 10 cây xà cừ; 1 vụ vi phạm các quy định chung của nhà nước, tạm giữ 7,365 m³ gỗ Vên vên; 2 vụ tàng trữ lâm sản trái pháp luật, tạm giữ 5 ster bìa gỗ Mít nài. Lũy kế 9 tháng đầu năm xảy ra 72 vụ vi phạm quy định về Luật Lâm nghiệp, giảm 19 vụ so cùng kỳ năm trước.

Sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện trong tháng 15.444 m³, so với cùng kỳ giảm 19,24% (-3.679 m³), lũy kế từ đầu năm đến nay sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện 43.594 m³, giảm 5,48% (-2.529 m³) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng củi khai thác ước thực hiện trong tháng được 54.645 Ste, tăng 54,80% (+19.345 Ste), lũy kế từ đầu năm sản lượng củi khai thác ước thực hiện 217.475 Ste, bằng 97,00% (-6.725 Ste) so với cùng kỳ.

1.3 Thủy sản:

Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng trên địa bàn tỉnh ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt 9.441,21 tấn, so cùng kỳ giảm 3,57% (-349,89 tấn), trong đó:

Sản lượng khai thác thủy sản ước thực hiện đạt 1.802,97 tấn, giảm 1,24% (-22,68 tấn) so cùng kỳ. Sản lượng khai thác thủy sản trong kỳ giảm tập trung chủ yếu là sản lượng đánh bắt cá nước ngọt khác và các loại thủy sản khác ngoài kênh, rạch, sông Vàm Cỏ Đông. Sản lượng đánh bắt trên kênh, rạch, sông Vàm Cỏ Đông chiếm dưới 10%, còn lại chiếm tỷ trọng đa số trong sản lượng khai thác là khai thác cá trong hồ Dầu Tiếng vẫn duy trì (chiếm hơn 90% sản lượng). Với lợi thế mặt nước hồ Dầu Tiếng thuận lợi cho việc phát triển thủy sản nên trong những năm gần đây, hàng năm tỉnh đều có chủ trương chi ngân

sách mua cá giống thả vào hồ Dầu Tiếng nhằm đảm bảo nguồn sinh thái nên sản lượng đánh bắt hàng năm trong hồ Dầu Tiếng được duy trì. Trong thời gian vừa qua tỉnh đã tổ chức thả những loại cá có giá trị kinh tế cao như cá lóc bông, cá thác lác cườm, cá tra dầu, cá lăng vàng, lăng nha, các loài cá này phát triển rất nhanh do gặp môi trường thuận lợi, nguồn thức ăn phong phú do vậy sản lượng khai thác thủy sản 9 tháng đầu năm vẫn được duy trì ổn định.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước thực hiện đạt 7.638,24 tấn, giảm 4,11% (-327,21 tấn) so cùng kỳ. Trong đó sản lượng nuôi cá đạt 6.928,83 tấn, giảm 4,68% (-340,53 tấn), do tình hình giá cả nhiều loại thủy sản giảm. Sản lượng nuôi thủy sản khác ước thực hiện 707,54 tấn, so với cùng kỳ tăng 1,92% (+13,32 tấn) do phong trào nuôi ba ba tiếp tục phát triển, nuôi lươn vẫn duy trì ổn định, còn nuôi ếch và cá suýt đang ngày càng mai một do nhu cầu tiêu thụ không cao.

Sản lượng giống thủy sản ước thực hiện đạt 18,44 triệu con, so với cùng kỳ giảm 1,61% (-0,31 triệu con). Sản lượng giống thủy sản giảm nhẹ so cùng kỳ do nhu cầu giống thủy sản nuôi trồng giảm.

2. Sản xuất Công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh tháng 9/2019, giảm 1,29% so với tháng trước, trong đó ngành khai khoáng tăng (+0,13%); ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm (-1,46%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng (+4,46%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng (+3,93%). Một số ngành cấp 2 tăng trong tháng như: SX chế biến thực phẩm (+13,56%), SX giấy và sản phẩm từ giấy (+4,09%), SX giường tủ bàn ghế (+7,88%), SX hoá chất và sản phẩm hoá chất (+4,14%)... bên cạnh đó cũng có một số ngành nhiều tháng tăng nhưng đến tháng này lại giảm như: Dệt (-3,46%), SX trang phục (-6,43%), SX da và các sản phẩm có liên quan (+4,01%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp lũy kế 9 tháng tăng 15,87% so cùng kỳ, cao hơn mức tăng của năm trước¹ Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 15,80%, ngành SX và phân phối điện tăng 20,24%, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 17,77%, riêng ngành khai khoáng tiếp tục giảm 2,62% so cùng kỳ. Trong ngành công nghiệp cấp 2 tăng mạnh nhất trong các ngành: Dệt (+33,18%), SX sản phẩm từ cao su và plastic (+13,23%) chủ yếu do sản xuất sẫm lốp cao su (+32,73%), SX da và các sản phẩm có liên quan (+14,58%), SX giường tủ bàn ghế (+30,97%) ... cũng có một số ngành tăng chậm hoặc giảm so cùng kỳ như: SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+1,37%), SX thuốc, hoá dược và dược liệu (-1,79%), SX các sản phẩm từ kim loại (-14,67%) so cùng kỳ....

Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu của tỉnh: Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất 9 tháng đầu năm tăng khá so cùng kỳ: Giày các loại ước đạt

¹ 9 tháng năm 2018 so cùng kỳ năm 2017 tăng 15,28%.

59.060 nghìn đôi (+10,90%); quần áo các loại 124.550 nghìn cái (+6,94%), vỏ ruột xe các loại 54.052 nghìn cái (+16,42%); điện thương phẩm 3.033 triệu kw/h (+21,98%); nước máy sản xuất 7.743 nghìn m³ (+10,20%); đường các loại 174.949 tấn (+11,66%) . Bên cạnh đó cũng có sản phẩm tăng chậm so cùng kỳ như bột mì 896.602 tấn (+0,01%), sản lượng xi măng sản xuất 907.012 tấn (+1,37%; gạch các loại 519.529 nghìn viên (+2,96%)...

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 9/2019 so với tháng 8/2019	9 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	98,71	115,87
Chia theo ngành KT cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	100,13	97,38
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	98,54	115,80
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	104,46	120,24
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải...	103,93	117,77
Một số ngành KT cấp 2 chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	113,56	103,90
2. Dệt	96,54	133,18
3. Sản xuất trang phục	93,57	105,09
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	95,99	114,58
5. Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	104,14	110,58
6. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	104,09	108,92
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	99,98	113,23
8. Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	95,32	101,37
9. Sản xuất và phân phối điện	104,46	120,24
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,49	110,47

3. Vốn đầu tư phát triển:

3.1 Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước do địa phương quản lý:

Tháng 9/2019, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện đạt 313,7 tỷ đồng, tăng 7,86% so tháng trước. Bao gồm, vốn ngân sách cấp tỉnh ước đạt 265,34 tỷ đồng, tăng 7,64%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 48,41 tỷ đồng, tăng 9,03% so với tháng trước. Riêng vốn ngân sách cấp xã tháng này không thực hiện.

Cộng dồn 9 tháng 2019, vốn đầu tư thuộc vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 2.056 tỷ đồng, bằng 76,75% kế hoạch năm và tăng 4,08% so cùng kỳ. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh ước đạt 1.717 tỷ đạt 78,14% kế hoạch và tăng 2,54% cùng kỳ; Vốn ngân sách cấp huyện đạt 339 tỷ đạt 70,42% kế hoạch và cũng tăng 13,30% so cùng kỳ.

3.1 Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn:

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 9 tháng đầu năm ước đạt 22.564 tỷ đồng, tăng 22,89% so cùng kỳ. Trong đó:

- Khu vực Nhà nước: đạt 3.003,99 tỷ đồng, tăng 9,99% so cùng kỳ, bao gồm vốn ngân sách nhà nước đạt 2.599 tỷ đồng, tăng 7,19%; vốn trái phiếu Chính phủ đạt 322 tỷ tăng 53,89%; vốn tự có của các doanh nghiệp nhà nước ước đạt 82,37 tỷ đồng, tăng 345,94% so với 9 tháng năm 2018.

- Khu vực đầu tư nước ngoài: Tổng vốn đầu tư thực hiện 9 tháng ước thực hiện 7.353 tỷ tăng 19,09% . Thu hút 26 dự án đầu tư mới, với số vốn đăng ký 629,4 triệu USD tăng 04 dự án so với năm trước, và cũng tăng 219,01% số vốn đăng ký mới so với cùng kỳ; có 21 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 288,59 triệu USD, so với cùng kỳ năm trước, bằng với số dự án xin tăng năm trước nhưng tăng 7,07% về vốn bổ sung thêm so với cùng kỳ.

- Khu vực dân cư và tư nhân: ước thực hiện 12.207 tỷ đồng, tăng 29,09% so cùng kỳ. Trong đó vốn của hộ dân cư 7.535 tỷ đồng tăng 4,81%; Vốn của doanh nghiệp trong nước đạt 4.672,36 tỷ đồng tăng 106,13% , tập trung nhiều ở các Nhà máy năng lượng mặt trời Dầu Tiếng 1,2 với 2.757,39 tỷ đồng; Nhà máy điện mặt trời Trí Việt 1 với 618,57 tỷ; Nhà máy điện mặt trời Bách Khoa 1 với 737,13 tỷ....

4. Giao thông vận tải:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 9/2019 ước đạt 261,88 tỷ đồng, tăng 2,07% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 86,47 tỷ đồng, tăng 3,10%; vận tải hàng hóa đạt 170,09 tỷ đồng, tăng 1,55% so với tháng trước. Cộng dồn 9 tháng đầu năm doanh thu đạt 2.292 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 7,28%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 758,84 tỷ đồng tăng 7,18%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.488 tỷ đồng tăng 7,14% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 109,39 tỷ đồng tăng 14,04% so với 9 tháng năm 2018.

Hoạt động vận tải hành khách tháng 9/2019 trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định, ước thực hiện đạt 2.042 nghìn lượt khách, tăng 2,72 % và luân chuyển được 136.355 nghìn lượt khách.km, tăng 2,2% so tháng trước. Chín tháng đầu năm, vận tải hành khách đạt 17.768 nghìn lượt khách, tăng 6,62% và luân chuyển 1.142.954 nghìn lượt khách.km, tăng 8,17% so cùng kỳ năm trước.

Về vận tải hàng hóa, khối lượng thực hiện trong tháng tiếp tục phát triển ổn định; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 1.407 nghìn tấn, tăng 0,86% và luân chuyển được 96.260 nghìn tấn.km, tăng 1,17% so tháng trước. Lũy kế

9 tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước tính đạt 11.971 nghìn tấn, tăng 7,21% và luân chuyển 860,6 triệu tấn.km, tăng 6,90%. Vận tải hàng hóa của tỉnh hoàn toàn do khu vực ngoài nhà nước đảm nhận và chủ yếu tập trung ở vận tải đường bộ với khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 11.808 nghìn tấn, tăng 7,42%, luân chuyển 855,2 triệu tấn.km, cũng tăng 7,01% so cùng kỳ; Vận tải hàng hóa đường sông trên địa bàn tỉnh 9 tháng đạt 163 nghìn tấn giảm 6,25% và luân chuyển đạt 5,42 triệu tấn.km cũng giảm 8,83% so cùng kỳ năm trước.

5. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng:

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tháng 9/2019: Tổng mức bán lẻ hàng hoá trên địa bàn tỉnh ước đạt 5.266 tỷ đồng, tăng 1,75% so với tháng trước và tăng 7,0% so với tháng cùng kỳ.

Luỹ kế cả 9 tháng năm 2019 tổng mức ước đạt 44.978 tỷ, tăng 9,06% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số nhóm hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu như nhóm lương thực, thực phẩm đạt 16.475 tỷ đồng, tăng 8,77%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 6.373 tỷ đồng, tăng 11,51%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 6.440 tỷ đồng, cũng tăng 10,15%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 2.915 tỷ đồng cũng tăng 8,71% so với cùng kỳ.

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:

Tháng 09/2019 doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.407 tỷ đồng, giảm 1,92% so với tháng trước, trong đó khu vực nhà nước đạt 283 tỷ giảm 21,09% (*giảm chủ yếu từ hoạt động xổ số tháng này giảm 01 kỳ hoạt động so với tháng trước*), khu vực ngoài nhà nước đạt 1.116 tỷ tăng 4,49% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,9 tỷ đồng cũng tăng nhẹ (+0,81%) so với tháng trước.

Cộng dồn 9 tháng năm 2019 doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 12.392 tỷ đồng tăng 7,28% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 7.210 tỷ đồng tăng 8,67%, và dịch vụ khác đạt 5.032 tỷ đồng tăng 5,28%; dịch vụ lưu trú và lữ hành đạt 150,43 tỷ đồng tăng 9,64% so cùng kỳ.

6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 năm 2019 tăng 0,69% so với tháng trước; tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước; và tăng 1,03% so với tháng 12 năm trước; so bình quân cùng kỳ năm 2018 CPI tăng 2,79%.

Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, có 7 nhóm tăng với mức tăng như sau: hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,21%; may mặc mũ nón giày dép tăng 0,24%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,23%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,08%; nhóm giáo dục tăng 4,6%; nhóm văn hoá giải trí và du lịch tăng 0,58%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,91%. Nhóm có chỉ số giá ổn định là đồ uống thuốc lá và bưu chính viễn thông; riêng nhóm nhà ở điện nước chất đốt và VLXD giảm 0,02%, giao thông giảm 1,09% so tháng trước;

CPI tháng này tăng chủ yếu do giá thực phẩm, giáo dục tăng. Tháng 9 là tháng có mưa nhiều, mưa to, gây nên tình trạng ngập úng, hư hại hoa màu, củ quả dẫn đến năng suất thấp trong khi nhu cầu không thay đổi dẫn đến giá tăng.

Biến động cụ thể một số nhóm hàng như sau:

Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Trong đó chỉ số giá nhóm hàng lương thực giảm 0,81% so tháng trước chủ yếu là gạo giảm 0,08% như gạo tẻ thường giảm 0,93%, gạo tẻ ngon giảm 1,09, gạo nếp giảm 0,22%. Bún, bánh phở giảm 0,34%, miến giảm 0,12% do nhu cầu sử dụng để chế biến cho ngày rằm tháng 8 (Trung thu) đã giảm; Nhóm thực phẩm tăng 0,57% so với tháng trước, nhóm này tăng chủ yếu do Nhóm thịt gia súc tươi sống tăng 0,82%; Nhóm trứng các loại giảm 0,7% so tháng trước do nhu cầu người dân giảm xuống sau dịp rằm; Nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 1,97% ... nguyên nhân do mưa bão nhiều và liên tục, gây thiệt hại không nhỏ đến rau củ quả, làm giá tăng lên;

Nhóm Quả tươi chế biến tăng 1,22% như táo tăng 3,49%, quả tươi khác tăng 1,44% do nhu cầu mua sắm thờ cúng của người dân vào dịp rằm tháng 8.

May mặc, mũ nón, giày dép (+ 0,24%): tăng chủ yếu ở vài các loại (+0,24%), áo khoác người lớn tăng 0,14%, quần áo sơ mi nam lớn tăng 0,16, quần áo trẻ em tăng 1,06%, khăn mặt khăn quàng tăng 1,71%, tiền công may quần áo cũng tăng 1,38% do chi phí đầu vào gia tăng dẫn đến việc tăng giá nhóm mặt hàng này.

Thiết bị và đồ dùng gia đình: tăng 0,23% so tháng trước chủ yếu ở mặt hàng đồ điện tăng 0,21% như quạt điện tăng 0,88%; máy hút bụi tăng 5,76%; nồi cơm điện tăng 0,41% ; bát đĩa tăng 0,23%; xà phòng giặt tăng 1,3%.

Thuốc và dịch vụ y tế (+ 0,08%): tăng chủ yếu ở nhóm thuốc các loại (tăng 0,3%) như thuốc chống nhiễm điều trị ký sinh trùng tăng 0,97%, thuốc giảm đau tăng 1,63%.

Giáo dục : tăng 4,6% so tháng trước, chủ yếu là Dịch vụ giáo dục tăng 5,69% cụ thể là học phí phổ thông cơ sở tăng 16,02%, phổ thông trung học tăng 13,92%, học nghề kỹ thuật 11,18%, học phí trung cấp tăng 7,5%, học phí cao đẳng tăng 10,53% đúng lộ trình tăng học phí năm học 2019-2020 theo Quyết định 73/2016/QĐ/UBND ngày 29.12.2016 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Văn hoá giải trí và du lịch: tăng 0,58% so với tháng trước, chủ yếu ở nhóm sách các loại (+1,36%), tạp chí bưu ảnh (+0,67%); hoa tươi tăng 3,83%; du lịch trọn gói tăng 3,07% do trong tháng có ngày lễ Quốc khánh, nhu cầu đi lại, du lịch của người dân tăng lên.

Hàng hóa và dịch vụ khác: tăng chủ yếu ở nhóm đồ trang sức, tăng 4,64% do giá vàng tăng mạnh so với tháng trước. Nhóm hi cũng tăng 4,16%.

Nhà ở điện nước chất đốt và VLXD: giảm 0,02% so với tháng trước chủ yếu do giá gas giảm 1,03% tức giảm 3.000đ bình 12kg, dầu hoả cũng giảm 2,2% so tháng trước.

Giao thông: giảm 1,09% so tháng trước do tại kì điều hành giá Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định giảm giá xăng dầu trong kỳ điều hành vào ngày 16/9/2019, cụ thể: nhóm xăng, dầu diezen giảm 2,58% so với tháng trước.

Giá vàng và giá Đô la Mỹ: So với tháng trước chỉ số giá vàng tăng khá cao (+3,53%); tăng 3,5% so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá vàng 99,99 bình quân hiện ở mức 4,051.000 đồng/chi. Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,04% so với tháng trước và tăng 1,57% so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá đô la Mỹ bình quân hiện ở mức 23.283,62 đồng/USD.

7. Thu chi ngân sách:

a) Thu ngân sách:

Ước thu ngân sách trên địa bàn tháng 9/2019 đạt 618 tỷ đồng, cộng dồn 9 tháng được 7.192 tỷ đồng, đạt 89,91% dự toán, tăng 28,53% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 5.988 tỷ đồng, đạt 81,48% dự toán, tăng 16,51% so cùng kỳ.

Nhìn chung, tình hình thu ngân sách trong 9 tháng đầu năm nay đạt khá cao so với dự toán cũng như so cùng kỳ, trong đó khoản thu nội địa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số, tăng cao (+16,51%) so với cùng kỳ. Trong đó có một số khoản đạt khá như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 506,74 tỷ, đã vượt dự toán năm 7,82%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.191 tỷ, tăng 12,95%; thuế thu nhập cá nhân đạt 574 tỷ, tăng 16,54%; thu từ hoạt động xổ số đạt 1.390 tỷ bằng 91,79% dự toán và tăng 7,87% ; Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 450 tỷ, tăng 11,65% so cùng kỳ. Đặc biệt thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đến nay đã đạt 1.204 tỷ và đã vượt dự toán năm 85,23%, tăng 163,93% so với cùng kỳ năm trước, do có 01 số dự án năng lượng điện mặt trời tăng cường nhập khẩu máy móc thiết bị.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2019 (tỷ đồng)		% thực hiện 9 tháng năm 2019 so với	
	Dự toán	Ước TH 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng thu	8.000	7.192	89,91	128,53
I. Thu nội địa	7.350	5.988	81,48	116,51
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	625	450	72,06	111,65
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	470	506	107,82	159,38
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.600	1.191	74,47	112,95
4. Hoạt động xổ số	1.515	1.390	91,79	107,87
II. Thu từ hoạt động XNK	650	1.204	185,23	263,93

b) Chi ngân sách:

Chi ngân sách ước tháng 9/2019 đạt 896,7 tỷ đồng, nâng mức chi 9 tháng đầu năm đạt 6.264 tỷ đồng, đạt 71,19% dự toán, tăng 13,10% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 3.403,9 tỷ đồng, bằng 62,44% dự toán năm, tăng 6,54% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển 1.961 tỷ đồng, bằng 78,70% dự toán, tăng 16,80% so cùng kỳ; Chi các thương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 893,25 tỷ đồng, vượt 40,46% dự toán năm, tăng 39,66% so cùng kỳ.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2019 (tỷ đồng)		% thực hiện 9 tháng năm 2019 so với	
	Dự toán	Ước TH 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi	8.800	6.264	71,19	113,10
I. Chi cân đối NSDP	8.164	5.371	65,79	109,63
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	2.419	1.961	78,70	116,80
2. Chi thường xuyên	5.451	3.403	62,44	106,54
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	837	456	54,49	114,05
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.179	1.387	63,68	109,98
+ Sự nghiệp y tế	474	255	47,54	83,59
+ Quản lý hành chính	931	685	73,54	103,18
II. Chi chương trình MTQG	636	893	140,46	139,66

8. Hoạt động ngân hàng:

Hoạt động của hệ thống ngân hàng trong 09 tháng đầu năm 2019 tương đối ổn định và phát triển. Tổng nguồn vốn huy động ước đến cuối tháng 9/2019 ước đạt 43.969 tỷ đồng, tăng 8,0% so với cuối năm 2018. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu, đạt 30.066 tỷ đồng (Chiếm 68,38%) tăng 9,47% ; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 13.902 tỷ đồng cũng tăng 4,94% so cuối năm 2018; Nguồn vốn huy động chủ yếu từ tiền gửi trong dân cư đạt 34.379 tỷ đồng chiếm 78,18% trong tổng số tăng 10,08% ; tiền gửi của các tổ chức kinh tế ước đạt 9.255 tỷ đồng, cũng tăng 0,07% so cuối năm 2018;

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 9 ước đạt 54.903 tỷ đồng, so với cuối năm 2018 tăng 11,0%. Trong đó dư nợ ngắn hạn 35.820 tỷ chiếm 65,24% tổng số, tăng 11,0%. Nợ xấu 192 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,35% so với tổng dư nợ, tăng (-0,28%) so với tháng 12/2018.

9. Tình hình văn xã:

a) Đời sống, lao động, giải quyết việc làm:

Trong 9 tháng đầu năm 2019, nhìn chung thời tiết khí hậu không thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là nguyên nhân chính khiến thời tiết trở nên khắc nghiệt và khó dự báo hơn, hiện tượng mưa trái vụ, nắng nóng gay gắt, tình hình sâu bệnh nhất là dịch khảm trên cây mì, dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện trong quý 3 năm nay, mặt khác giá cả một số loại hàng nông sản không ổn định ... đã ảnh hưởng xấu đến những hộ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản thuần túy; đối với nông dân không có đất sản xuất, chủ yếu làm công ăn lương tại khu vực nông nghiệp cũng chịu tác động chung.

Tình hình xoá đói giảm nghèo được các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể thường xuyên quan tâm đúng mức bằng các hình thức giúp đỡ những hộ gia đình gặp khó khăn trong cuộc sống vươn lên thoát nghèo như hỗ trợ vốn sản xuất, giải quyết việc làm.

Tỉnh đã thực hiện các giải pháp, chính sách giảm nghèo với các chương trình, dự án như cho vay vốn sản xuất, hỗ trợ cây, con giống, hỗ trợ tiền điện . . . ; cấp 27.121 thẻ BHYT, cho người thuộc hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sống trên địa bàn xã Biên giới và người dân sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách người có công, hộ nghèo các đối tượng hưởng bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 tặng 89.490 phần quà với kinh phí 52,909 tỷ đồng; trong đó chăm lo cho hộ nghèo với kinh phí 28,977 tỷ đồng. Ngoài ra hỗ trợ người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam trên địa bàn tỉnh: 681,4 triệu đồng.

Các chính sách hỗ trợ người nghèo cho vay vốn ưu đãi, vẫn được duy trì tạo điều kiện cho các hộ nghèo và hộ cận nghèo vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội, với tổng số dư nợ đến nay là: 2.339,4 tỷ đồng, trong đó hộ nghèo vay 135 tỷ đồng, để sản xuất kinh doanh, tạo việc làm ổn định cho các hộ nghèo, bình quân mỗi hộ được vay 1 lượt mức vay cao nhất là 100 triệu đồng, chủ yếu để trồng trọt và chăn nuôi, và kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ. Đồng thời triển khai các chính sách vay vốn đối với học sinh, sinh viên, dạy nghề được tiến hành đúng đối tượng, kịp thời, đến nay tổng dư nợ cho đối tượng này 302 tỷ đồng.

Ngoài ra còn vận động các nhà tài trợ xây tặng, sửa chữa xây tặng và sửa chữa 129 căn nhà tình nghĩa tổng kinh phí 6.510 triệu đồng; 225 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương với tổng kinh phí 8.418 triệu đồng.

Trong 9 tháng, thông qua các phiên giao dịch việc làm của tỉnh đã tư vấn việc làm và học nghề cho 19.095 lao động; giới thiệu cung ứng lao động trong nước 1.818 lao động. Các tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giải quyết được 446 lao động; tổ chức 08 phiên giao dịch việc làm với 66 doanh nghiệp và có 3.700 lao động tham gia.

Quản lý lao động người nước ngoài làm việc tại Tỉnh: Có 303 doanh nghiệp đăng ký và được chấp thuận cho tuyển dụng 3.779 lao động là người nước ngoài. Đã tiếp nhận và cấp giấy phép cho 1.891 lao động là người nước ngoài được làm việc tại tỉnh.

Công tác dạy nghề: Trong tháng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tuyển sinh được 1.899 người (Cao đẳng: 311 người, trung cấp: 1.005 người, sơ cấp: 418 người, đào tạo thường xuyên và dưới 3 tháng: 165 người). Số sinh viên, học viên tốt nghiệp trong tháng 493 người (*Trung cấp: 18 người, Sơ cấp: 361 người và đào tạo thường xuyên 114 người*). Số học viên sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm trong tháng: 357/493 đạt tỷ lệ 72,41%. Lưu lượng học viên đang đào tạo đến tháng 09/2019 là: 5.277 người (CD: 711 người, TC: 2.431 người, Sơ cấp: 1.999 người, đào tạo thường xuyên và dưới 3 tháng: 136 người).

Về đình công, lãn công: Trong tháng không xảy ra.

b) Hoạt động y tế:

9 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh không xảy ra các loại dịch bệnh nguy hiểm như Cúm A/H5N1, Cúm A/H7N9, dịch hạch. Tuy nhiên, bệnh sốt xuất huyết có số ca mắc cao hơn so cùng kỳ năm 2018... Tình hình một số bệnh đang lưu hành trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

Bệnh Tay chân miệng: Tổng số ca mắc cộng dồn trong 8 tháng đầu năm 2019 là 589 ca, so với cùng kỳ thì giảm 154 ca (giảm 20,73%). Không có ca tử vong; Bệnh Sốt xuất huyết, số ca mắc là 2.297 ca, so với cùng kỳ tăng 107,69%, có 01 ca tử vong tại Tân Châu.

Bệnh sởi, số ca mắc cộng dồn là 414 ca, so với cùng kỳ thì tăng 399 ca. Không có ca tử vong; Bệnh sốt rét, phát hiện 6 trường hợp mắc sốt rét, trong đó có 1 trường hợp là người Campuchia sang điều trị tại BVĐK Tây Ninh. Kết quả so với cùng kỳ năm 2018 bệnh nhân sốt rét giảm 82,9% (6/35 ca); Ký sinh trùng sốt rét giảm 81,8% (6/33 KST); Không có tử vong do sốt rét.

Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong 9 tháng đầu năm 2019 đã triển khai 04 đợt kiểm tra trọng điểm là Tết Nguyên đán Kỷ Hợi, mùa Lễ hội Xuân Núi Bà, tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Trung thu năm 2019 và thành lập các đoàn kiểm tra theo công văn của Cục An toàn thực phẩm; Kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống nhằm phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi).

Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, trong 9 tháng đã kiểm tra 3.382 cơ sở, trong đó đạt 2.742 cơ sở, số cơ sở vi phạm 640 cơ sở, trong đó: nhắc nhở: 550 cơ sở, xử phạt: 86 cơ sở với số tiền 436,69 tr. đồng, chờ xử lý: 06 cơ sở, chuyển cơ quan chức năng khác xử lý: 06 cơ sở. Các nội dung vi phạm chủ yếu: không xét nghiệm sản phẩm định kỳ, không khám sức khỏe định kỳ, không có hồ sơ công bố sản phẩm, hợp đồng, hóa đơn, không có thiết bị theo dõi nhiệt độ, độ ẩm, không có sổ sách ghi chép theo dõi nhiệt độ, độ ẩm.

Công tác khám chữa bệnh: Tổng số lượt khám bệnh 9 tháng đầu năm 2019 là 1.491 ngàn lượt giảm 4% so với cùng kỳ (1.553 ngàn lượt). Trong đó, số bệnh nhân khám nội trú là 123,8 ngàn người gần bằng với cùng kỳ (123,6 ngàn người), số ngày điều trị nội trú 453.581 ngày giảm 3% so với cùng kỳ (469.913 ngày). Số ngày nằm viện nội trú trung bình lượt bệnh là 3,6 ngày/người (giảm 0,1 ngày/ người so với cùng kỳ).

c) Giáo dục và đào tạo:

Giáo dục: Mẫu giáo mầm non, năm học này toàn tỉnh có 138 trường/1.283 nhóm, lớp/37.747 trẻ so với năm học số trường không tăng, trong đó có 119 trường bán trú; Tiểu học có 236 trường/3208 lớp/100.109 học sinh (giảm 19 trường so với năm học 2018 – 2019 do sáp nhập); Cấp THCS: 104 trường/1.655 lớp/67.309 học sinh (giảm 02 trường so với năm học 2018 – 2019 do sáp nhập); Cấp THPT: 28 trường/690 lớp/28.165 học sinh (giảm 05 trường so với năm học 2018 – 2019 do sáp nhập); GDNN-GDTX: 9 trung tâm/48 lớp/1.190 học viên.

Hệ thống trường ngoài công lập: có 01 trường phổ thông nhiều cấp học (cấp 1, 2 và 3); 80 cơ sở mầm non tư thục (gồm 21 trường và 59 cơ sở) và 40 trung tâm ngoại ngữ tin học.

Số trường, số giáo viên và học sinh ngoài công lập ở các ngành học chiếm tỉ lệ thấp, cụ thể tỉ lệ trường ngoài công lập: 21/521 trường (4,03%), học sinh ngoài công lập 6.205/230.858 học sinh (tỷ lệ 2,69%); tỉ lệ giáo viên nhân viên ngoài công lập 581/15.006 người (tỷ lệ 3,87%).

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay toàn tỉnh đã công nhận được 190 trường đạt chuẩn quốc gia (MNMG: 44/137 trường, TH: 92/247 trường, THCS: 47/106 trường, THPT: 07/32 trường). Trong 6 tháng đầu năm 2019, Sở Giáo dục và Đào tạo chưa kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

d) An toàn giao thông:

Trong tháng 9/2019 (từ ngày 16/8/2019-15/9/2019) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 16 vụ² tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 05 người và bị thương 49 người. So với tháng cùng kỳ năm 2018 tăng 02 vụ, số người chết tăng 04 người và số người bị thương tăng 03 người. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2019 đã xảy ra 105 vụ tai nạn giao thông, làm chết 49 người, và 90 người bị thương, so với cùng kỳ năm trước đều giảm về cả 03 tiêu chí: số vụ giảm (-79), số người chết giảm (-25) và số người bị thương cũng giảm (-59). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe đi không đúng phần đường, chuyển hướng tránh vượt thiếu quan sát, và đặc biệt là tình trạng sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông.

e) Hoạt động văn hoá:

Trong 9 tháng, Ngành đã tổ chức tốt các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn

² Tháng 8/2019 xảy ra 12 vụ tai nạn, làm chết 04 người và bị thương 08 người.

nghệ thuật phục vụ nhân dân mừng Xuân Kỷ Hợi, kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2019); 65 năm Chiến thắng Điện Biên phủ, 60 năm Ngày đường Hồ Chí Minh và truyền thống Bộ đội Trường Sơn, 50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào xây dựng Nông thôn mới, an toàn giao thông, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”³.

Thực hiện 01 tấm pano, 15 tấm băng rôn, 500 tấm phướn, 380 lá cờ các loại. Tổ chức đăng cai thực hiện triển lãm tranh cổ động tuyên truyền chủ đề “Xây dựng môi trường văn hóa”. Qua đó, tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng.

Hoạt động văn nghệ: đã tổ chức được 03 hội thi (Hội thi “Tiếng hát xuân – Nhóm ca và nhóm nhảy” và Liên hoan “Múa lân truyền thống” xuân Kỷ Hợi⁴, tổ chức 233 buổi văn nghệ phục vụ cơ sở và các sự kiện trong tỉnh (cấp tỉnh: 55 buổi, cấp huyện: 160 buổi, phối hợp sở, ngành: 18 buổi), tham gia 06 liên hoan, hội thi khu vực và toàn quốc.

Hoạt động Hệ thống thư viện: tổng số sách hiện có tại Thư viện tỉnh 253.862 bản/73.040 tên sách, cấp mới và gia hạn thẻ bạn đọc 2.824 thẻ. Tổ chức luân chuyển sách 03 đợt với 3.015 nghìn bản sách, trong đó, luân chuyển cho tủ sách cơ sở 15.600 bản sách; nhận và trao đổi báo Xuân 2019 với các tỉnh, thành trong cả nước: 56 tờ, biên soạn ấn phẩm thông tin 02 số với 100 bản. Triển khai thực hiện dự án Nâng cấp phần mềm quản trị thư viện tích hợp xây dựng thư viện số tỉnh Tây Ninh. Tổng số sách tại Thư viện huyện, thành phố 196.489 (bổ sung 5.063 bản sách), tổ chức phục vụ được 218.588 lượt bạn đọc với 387.962 lượt tài liệu, sách.

f) Hoạt động thể dục thể thao:

Đăng cai tổ chức thành công 05 giải cụm, toàn quốc: Giải đua xe Mô tô toàn quốc “Cúp vô địch quốc gia năm 2019”; giải Quần vợt vô địch đồng đội quốc gia tranh cúp Hải Đăng năm 2019; Giải Taekwondo học toàn quốc lần khu vực II; Giải cầu lông các cây vợt thanh niên, trẻ xuất sắc toàn quốc; Vòng chung kết giải U17 quốc gia. Ký kết Bản thỏa thuận với Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh, thực hiện kiểm tra y sinh đầu vào cho 72 VĐV dự kiến tuyển mới vào Trung tâm.

Tiếp tục tập trung đào tạo 178 VĐV (*Tuyển 46 VĐV, trẻ 109 VĐV, Năng khiếu 23 VĐV*) ở 11 môn thể thao. Đã cử tham dự 75 giải (98 HLV, 584 VĐV)

³ Cấp tỉnh: Thực hiện 79 tấm pano, 710 tấm băng rôn, 1.695 tấm phướn, 2.890 lá cờ các loại; 166 khẩu hiệu, phát hành 64 đĩa CD tuyên truyền đến cơ sở. Trưng bày, triển lãm tại Nhà Trưng bày Bảo tàng tỉnh đón 1.438 lượt khách tham quan và trưng bày, triển lãm lưu động đón 13.081 lượt người tham quan. Trưng bày sách, báo tuyên truyền: 38 cuộc với 6.212 tài liệu; trưng bày, tuyên truyền và phổ biến pháp luật: 2.372 tài liệu.

⁴ Hội thi thu hút 58 thí sinh, 18 nhóm ca, 20 nhóm nhảy tham gia; liên hoan có 11 đội lân tham gia.

thể thao (04 giải quốc tế, 32 giải quốc gia và khu vực), kết quả đạt: 199 huy chương các loại (32 HCV, 64 HCB, 103 HCD), 14 VĐV kiện tướng quốc gia, 32 VĐV cấp 1 quốc gia.

g) Thiệt hại thiên tai:

Từ ngày 16/08/2019 đến 15/9/2019, trên địa bàn tỉnh xảy ra mưa lớn kèm giông lốc tại các địa bàn xã ở Xã Trường Đông, Huyện Hòa Thành, làm 13 căn nhà đơn sơ bị ảnh hưởng hư hại từ 30-50%, ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 279 triệu đồng.

h) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:

Trong tháng 09/2019 (từ ngày 16/8/2019 đến 15/9/2019), trên địa bàn tỉnh không xảy ra 01 vụ cháy tại chợ Hòa Bình, xã Thành Long, huyện Châu Thành. Không gây thiệt hại về người. Ước thiệt hại về tài sản khoảng 1 tỷ 350 triệu đồng. Trong tháng cũng không phát hiện vụ vi phạm về môi trường xảy ra trên địa bàn.

